

Số: **275**/BC-UBND

Quan Sơn, ngày 03 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thống kê thiệt hại mưa lũ do Áp thấp nhiệt đới từ ngày 09/10 đến ngày 12/10/2017 trên địa bàn huyện Quan Sơn

Kính gửi: UBND tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 12845/UBND-THKH ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ thiệt hại về người và tài sản do mưa lũ gây ra trên địa bàn tỉnh từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 10 năm 2017; Thông báo số 213/TB-UBND ngày 25/10/2017 về Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đình Xứng tại Hội nghị nghe báo cáo tình hình thiệt hại do mưa lũ trên địa bàn tỉnh thời gian qua, công tác khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra và chính sách hỗ trợ các địa phương bị thiệt hại. UBND huyện Quan Sơn thống kê báo cáo thiệt hại mưa lũ do Áp thấp nhiệt đới từ ngày 09/10 đến ngày 12/10/2017 trên địa bàn huyện Quan Sơn như sau:

I. TÌNH HÌNH THIẾT HẠI

1. Về người:

+ 01 người bị thương (Lữ Thị Thuyệt, 38 tuổi), hiện đang cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa; 01 người mất tích, hiện chưa tìm thấy (Lương Văn Mịn, 40 tuổi), huyện đã và đang tiếp tục tìm kiếm. Đây là cặp vợ chồng có hộ khẩu và cư trú tại bản Bôn, xã Tam Thanh.

2. Về nhà ở:

- Nhà bị thiệt hại hoàn toàn: 01 nhà khu 6 Thị Trấn cháy do chập điện.
 - Nhà phải di dời khẩn cấp: 19 nhà, *trong đó*: Tam Thanh 05 nhà, Thị Trấn 01 nhà; Trung Thượng 01 nhà, Sơn Hà 11 nhà, Na Mèo 01 nhà.
 - Các nhà bị ảnh hưởng phải sơ tán và thiệt hại về nhà ở khác: 226 nhà. *Trong đó*: Thị trấn 07 nhà, Sơn Điện 11, Mường Mìn 20 nhà, Tam Lư 09, Trung Thượng 46 nhà, Na Mèo 01 nhà, Sơn Lư 05 nhà, Tam Thanh 127 nhà.
 - Các bản bị cô lập, chia cắt trong thời gian lũ lớn: 11 bản, thuộc 04 xã.
- Ước tính tổng thiệt hại về nhà ở bằng tiền là: 1.873 triệu đồng*

3. Về giáo dục:

- + Phía Taluy dương bị sạt lở đất vùi lấp 4 phòng học và ảnh hưởng đến 05 phòng tại Trường Tiểu học xã Sơn Hà.
- + Sạt mái kè: 04 điểm Trường THCS xã Trung Thượng; Khu Bàng, Trường Tiểu học xã Trung Thượng; Khu Mò, Trường Tiểu học xã Tam Thanh và Tiểu học

Trường TH Na Mèo.

Tổng ước thiệt hại giá trị bằng tiền là: 7.300 triệu đồng

4. Về văn hóa:

+ Trung tâm Văn Hóa xã Sơn Hà bị vùi lấp và nứt tường do sạt lở mái taluy.

Tổng ước thiệt hại giá trị bằng tiền là: 1.260 triệu đồng

5. Về nông nghiệp:

- Diện tích bị thiệt trên 70% đến hoàn toàn là: 97,8 ha.

- Diện tích lúa bị thiệt hại từ 30% - 70% là: 36,0 ha.

- Diện tích rau màu, hoa màu bị thiệt hại hoàn toàn: 16,1 ha.

- Diện tích rừng bị thiệt hại 5,16 ha.

Ước tính tổng thiệt hại về nông – lâm nghiệp bằng tiền là: 1.996 triệu đồng.

6. Về chăn nuôi:

- Gia súc bị chết, cuốn trôi 185 con. Trong đó:

+ Trâu, bò: 43 con.

+ Dê: 19 con.

+ Lợn: 123 con.

- Gia cầm bị chết, cuốn trôi: 350 con.

Ước tính tổng thiệt hại về chăn nuôi bằng tiền là: 933,2 triệu đồng.

7. Về thủy lợi:

- Mương bị lũ cuốn trôi và hư hỏng nặng: 5.680 m

- Đập thủy lợi bị cuốn trôi: 08 cái tại các xã Trung Thượng, Trung Hạ, Mường Mìn, Sơn Thủy và Tam Thanh .

Ước tính tổng thiệt hại về thủy lợi bằng tiền là: 6,488 triệu đồng.

8. Về giao thông:

a) Các tuyến đường do cấp trên quản lý (QL217, QL16, đường tuần tra biên giới), nhiều điểm bị sạt lở ta luy dương, trong đó có các điểm sạt lở nghiêm trọng, cụ thể: (Sở GTVT có báo cáo riêng)

b) Hệ thống giao thông do địa phương quản lý: Nhiều tuyến đường bị sạt lở, hư hỏng và bị chia cắt hoàn toàn.

- Đường tỉnh giao huyện quản lý:

+ Tuyến đường nối QL 217 đi mốc biên giới H5, huyện Quan Sơn: Bị sạt lở ta luy dương, tắc đường 8 điểm, trong đó có 01 điểm tại km11+431 – km11+751 (thuộc địa phận bản Bôn, xã Tam Thanh) và 16 điểm từ bản Bôn đi mốc biên giới H5 bị sạt lở nghiêm trọng.

+ Đường từ đồn BP Mường Mìn đi đường tuần tra biên giới: Hệ thống thoát nước ngang bị hư hỏng (04 tràn và 16 cống), 8 điểm sạt lở với khối lượng lớn.

- Tuyến đường huyện, đường xã, đường thôn bản: Nhiều tuyến đường bị sạt lở, gây tắc đường hoàn toàn; hệ thống thoát nước (ngang, dọc) bị hư hỏng. Đặc biệt

tại các tuyến đường: Đường GT Trung Thượng - Sơn Lư; đường GT từ Sơn Thủy đi Na Mèo; đường GT từ QL 217 đi bản Yên, xã Mường Mìn; đường từ xã Sơn Hà đi xã Tam Lư; đường GT từ QL 217 đi bản Xa Mang, xã Sơn Điện; đường GT từ bản Hiêng đi Sơn, Sa Ná xã Na Mèo; đường từ quốc lộ 217 đi bản Sủa, Na Hồ; đường GT đi các bản Mẫy, Bàng – xã Trung Thượng; đường GT nối QL 217 đi bản Cha Khót; nhiều tuyến đường liên thôn, liên xã cũng đã bị sạt lở nghiêm trọng. Có tổng số 04 tràn qua đường đã bị lũ cuốn trôi hoàn toàn (Tràn bản Hạ xã Sơn Hà; tràn Ngâm xã Tam Thanh; tràn bản Yên xã Mường Mìn; tràn bản Tình xã Tam Lư) và nhiều tràn, cống thoát nước bị hư hỏng nghiêm trọng, trong đó đặc biệt như: 07 tràn thuộc tuyến đường từ QL 217 đi bản Xa Mang, xã Sơn Điện; tràn bản Na Hồ xã Sơn Điện; tràn bản Tình xã Tam Lư; tràn tại bản Mìn, xã Mường Mìn; tràn bản Mẫy, bản Bàng xã Trung Thượng, Tràn suối Tình xã Tam Lư, tràn bản Sum xã Sơn Hà, tràn suối Túp bản Muống xã Tam Lư ...

- + Chiều dài sạt lở, hư hỏng 1.096 m.

- + Chiều dài bị ngập 2000 m.

- + Khối lượng đất, đá 414.339 m³

- + KL đá, bê tông, nhựa đường 3000 m³

- + Cống bị hư hỏng 38 cái.

- + Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc 90 điểm.

Ước tổng giá trị thiệt hại khoảng trên 118. 327 triệu đồng

9. Về thủy sản:

Diện tích nuôi ao hồ nhỏ bị thiệt hại hoàn toàn: 13,30 ha.

Ước tính tổng thiệt hại về thủy sản bằng tiền là: trên 559,6 triệu đồng

10. Về thông tin liên lạc:

- + Tuyến cáp: 71 cột bị đổ gãy và 14.000 m dây cáp bị đứt, trôi, vùi lấp

- + Các máy móc thiết bị liên lạc khác: 02 máy.

Hệ thống truyền tải một số địa bàn hư hỏng và mất thông tin liên lạc.

Ước thiệt hại giá trị bằng tiền là: 1.200 triệu đồng.

11. Về công nghiệp:

- + Cột điện trung và cao thế bị đổ, gãy: 42 cột;

- + Cột hạ thế: 55 cột.

Tổng ước thiệt hại giá trị bằng tiền là: khoảng 6.000 triệu đồng

12. Các công trình đang thi công:

Ước thiệt hại giá trị bằng tiền là: 1.300 triệu đồng

13. Thiệt hại về NSVSMT:

- + Lũ cuốn trôi 04 công trình tại các xã Trung Hạ, Thị trấn, Tam Thanh và Mường Mìn, với chiều dài đường ống dẫn nước là 5.426 m, đặc biệt 70 m đường ống cấp nước thuộc công trình cấp nước thị trấn Quan Sơn.

Ước tính tổng thiệt hại về NSVSMT bằng tiền là: 5.000 triệu đồng

14. Thiệt hại các công trình khác:

Ước thiệt hại giá trị bằng tiền là: 7.000 triệu đồng

Ước tổng thiệt hại trên địa bàn toàn huyện (ngoài thiệt hại về người và các tuyến giao thông tỉnh, trung ương quản lý) là: 159.437 (Một trăm năm chín tỷ bốn trăm ba bảy triệu đồng).

II. CÔNG TÁC KHẮC PHỤC

1. Những việc đã khắc phục:

Trước tình hình thiệt hại trong đợt mưa lũ gây ra Thường trực Huyện ủy – HĐND – UBND – UBMTTQ huyện đã tập trung chỉ đạo các khối, phòng ban, ngành các lực lượng vũ trang trực tiếp phối hợp với các xã, thị trấn khắc phục những hậu quả gây ra ổn sớm định cuộc sống trở lại hoạt động bình thường.

- Về tìm kiếm người mất tích: Đến thời điểm hiện nay, các tổ tìm kiếm người mất tích vẫn đang nỗ lực tìm kiếm trên diện rộng từ Thủy điện Bá Thước 2 đến toàn tuyến sông Lò, tuy nhiên vẫn chưa có kết quả.

- Về công tác di dời dân khỏi vùng có nguy cơ cao về sạt lở, lũ ống, lũ quét và ngập úng: Các hộ di dời, sơ tán trên địa bàn đến nay đã ổn định nơi ở an toàn từng bước ổn định sau đợt mưa lũ.

- Về công tác cứu trợ cho các hộ gia đình thiệt hại, các hộ di dời và các bản chia cắt, biệt lập: UBND huyện đã sử dụng kinh phí dự phòng trực tiếp xuống đến từng hộ gia đình, các bản cô lập, chia cắt thăm hỏi, động viên và hỗ trợ các gia đình bị ảnh hưởng, đồng thời huy động các lực lượng tại chỗ giúp dân không để dân đói, khát trong thời gian đợt mưa lũ.

+ Về công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch sau lũ: Huyện đã chỉ đạo lực lượng đoàn thanh niên huyện ra quân phát động lực lượng toàn đoàn phối hợp các phòng, ban, ngành trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo cơ sở; tập trung làm vệ sinh, xử lý môi trường, tăng cường các biện pháp phòng, tránh dịch bệnh an toàn cho người và gia súc.

- Về nông nghiệp: Tăng cường công tác chỉ đạo các xã, thị trấn tập trung thu hoạch lúa vụ mùa và chăm sóc cây trồng vụ đông. Phân công cán bộ tăng cường về các xã phối hợp cùng chính quyền cơ sở tham gia giúp dân hướng dẫn quy trình kỹ thuật và biện pháp khắc phục cho nhân. Đồng thời rà soát, kiểm tra phân loại đánh giá mức độ thiệt hại, thống kê toàn bộ những thiệt hại chính xác, cụ thể để tổng hợp báo cáo. Chỉ đạo các xã, thị trấn đề ra biện pháp để khôi phục những thiệt hại liên

quan đến sản xuất, chuẩn bị các điều kiện về giống, vật tư, phân bón để triển khai sản xuất vụ Đông, xây dựng kế hoạch Đông Xuân 2017 – 2018.

- Về điện lưới: hiện nay đã tập trung khắc phục xong khối lượng công việc.
- Về mạng Viettel: hệ thống cáp quang Viettel hiện nay đã thông tuyến.
- Về khắc phục mạng lưới giao thông: Huyện đã huy động lực lượng, phương tiện, máy móc khắc phục các tuyến đường trọng yếu đảm bảo thông tuyến.

2. Những việc chưa khắc phục được:

- Về tìm kiếm người mất tích và công tác cứu trợ: Huyện đang duy trì lực lượng tiếp tục tìm kiếm trên toàn tuyến sông Lò.
- Về mạng viễn thông: Đang tiến hành vừa thi công vừa thiết kế bổ sung hệ thống tuyến, đến nay hoàn thành khối lượng công việc khoảng 70% dự kiến khánh 15/11/2017 sẽ hoàn thành.

- Về giao thông:

+ Tuyến đường Tam Thanh – Tam Lư: riêng tại địa phận bản Bôn đi mốc H5 và sang Sầm Tở vẫn bị chia cắt hoàn toàn. Trước mắt huyện đã mở đường tránh để nhân dân có thể qua lại, tuy nhiên cầu tràn bản Ngâm đã bị cuốn trôi, hiện chưa thể khắc phục ngay được.

+ Tuyến đường công vụ từ Đồn Biên phòng Mường Mìn đi đường tuần tra biên giới hiện tại vẫn bị tắc hoàn toàn, do khối lượng sạt lở lớn và các công trình thoát nước bị hư hỏng nặng. (Tuyến đường do BQLDA47/BTM làm chủ đầu tư, hiện đang trong thời gian bảo hành. UBND huyện đã có văn bản gửi chủ đầu tư có phương án khắc phục).

+ Tuyến đường từ quốc lộ 217 đến đồn Biên phòng Mường Mìn: cầu tràn bản Yên vào Đồn BP Mường Mìn đã hư hỏng nặng chưa thể khắc phục được.

+ Riêng đối với các cầu tràn bị hư hỏng nặng, hiện tại chưa thể khắc phục.

Về các công trình văn hóa, thủy lợi, đập mương: hiện nay do khối lượng sạt lở lớn và bị lũ cuốn trôi hoàn toàn, do nguồn kinh phí lớn, cần có sự hỗ trợ của nhà nước huyện vẫn chưa khắc phục được.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị:

Để sớm khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra, đồng thời ổn định tình hình dân sinh, đời sống xã hội, ngoài những thiệt hại do huyện chủ động huy động nhân lực, vật lực tại địa phương và ngân sách dự phòng huyện năm 2017, UBND huyện có đề xuất Trung ương, tỉnh sớm hỗ trợ kinh phí khắc phục thiệt hại sau lũ gây ra giúp huyện ổn định trên địa bàn huyện.

2. Đề xuất hỗ trợ: 83.430,405 triệu đồng; Trong đó:

2.1. Hỗ trợ thiệt hại đối với cây trồng: 298,614 triệu đồng

2.2. Đối với Lâm nghiệp: 13,120 triệu đồng

2.3. Đối với thủy: 106,381 triệu đồng

2.4. Đối với vật nuôi: 292,290 triệu đồng

2.5. Đối với hỗ trợ công trình: 82.720 triệu đồng tại Báo cáo số 66/BC-UBND ngày 23/10/2017 (Bao gồm các công trình hạ tầng vượt khả năng cân đối ngân sách và huy động trên địa bàn huyện).

Ngoài ra đề xuất của các ngành (điện lực, viễn thông và Viettel) có tổng hợp báo cáo đề xuất riêng theo ngành dọc.

Trên đây là báo cáo thống kê tình hình thiệt hại, kết quả khắc phục hậu quả mưa, lũ do Áp thấp nhiệt đới gây ra trên địa bàn huyện Quan Sơn.

Kính mong UBND tỉnh, cùng các sở, ngành cấp tỉnh quan tâm giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở Lao động TB&XH tỉnh;
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND huyện;
- Lưu: VT.

B/cáo

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Tiên Thành

BIỂU TỔNG HỢP THÔNG KÊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA

(Kèm theo Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017
của UBND huyện Quan Sơn).

TT	Mã	Chỉ tiêu thiệt hại	Đơn vị tính	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
1	NG	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI	Người	2		
1.2	NG02	Số người mất tích:	Người	1		
1.2.4	NG024	Đối tượng khác	Người	1		
1.3	NG03	Số người bị thương:	Người	1		
1.3.2	NG032	Nữ giới	Người	1		
2	NH	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở		246	1,873	
2.1	NH01	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	Cái	1	150	
2.1.2	NH012	Nhà bán kiên cố	Cái	1	150	
2.2	NH02	Thiệt hại rất nặng (từ 50%70%)	Cái			
2.3	NH03	Thiệt hại nặng (từ 30%50%)	Cái	106	655	
2.3.2	NH032	Nhà bán kiên cố	Cái	106	655	
2.4	NH04	Thiệt hại một phần (< 30%)	Cái	120	353	
2.4.2	NH042	Nhà bán kiên cố	Cái	120	353	
2.6	NH06	Nhà phải di dời khẩn cấp	Cái	19	715	
3	GD	THIỆT HẠI VỀ GIAO DỤC	Tr.đồng		7,500	
3.1	GD01	Số điểm/trường bị ảnh hưởng	Điểm	4		
3.2	GD02	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/hv	Cái	9		
3.2.1	GD021	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	Cái			
3.2.2	GD022	Thiệt hại rất nặng (từ 50%70%)	Cái	9		
5	VH01	THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA	Tr.đồng		1,260	
5.1	VH01	Công trình văn hóa	Cái	1	1,200	
5.1.4	VH04	Thiệt hại một phần (< 30%)	Cái	1	1,200	
5.3	VH03	Trang thiết bị tại công trình VH	Tr.đồng		60	
6	NLN	THIỆT HẠI VỀ NLN, DN	Tr.đồng	155.1	1,996	
6.1	NLN01	Diện tích lúa	ha	133.8	1,495	
6.1.1	NLN011	Diện tích gieo cấy lúa thuần	ha	92.0	920	
6.1.1.1	NLN0111	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha	64.1	769	
6.1.1.3	NLN0113	Thiệt hại nặng (từ 30%-50%)	ha	27.9	151	
6.1.2	NLN012	Diện tích gieo cấy lúa lai	ha	41.8	575	
6.1.2.1	NLN0121	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha	33.7	505	
6.1.2.2	NLN0122	Thiệt hại rất nặng (từ 50%70%)	ha	8.1	70	
6.3	NLN03	Diện tích rau màu, hoa màu	ha	16.1	327	
6.3.1	NLN031	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha	13.1	301	
6.3.2	NLN032	Thiệt hại rất nặng (từ 50%70%)	ha	3.0	26	
6.8	NLN08	Diện tích rừng hiện có	ha	5.16	174	
6.8.1	NLN081	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha	1.4	75	
6.8.2	NLN082	Thiệt hại rất nặng (từ 50%70%)	ha	3.76	99	
7	CHN	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI	T.đồng		933.2	
7.1	CHN1	Gia súc bị chết, cuốn trôi	Con	185	824	
7.1.1	CHN01	Trâu, bò, ngựa	Con	43		

ky

7.1.2	CHN02	Nai, cừu, dê	Con	19		
7.1.3	CHN03	Lợn	Con	123		
7.2	CHN02	Gia cầm bị chết, cuốn trôi	Con	350	34.2	
7.2.1	CHN021	Gà, vịt, ngan, ngỗng	Con	350	34.2	
7.2.2	CHN022	Các loại gia cầm khác	Con			
7.6	CHN06	Chuồng, trại trang thiết bị chăn nuôi bị hư hỏng	Tr.đồng		75	
8	TL	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI	Tr.đồng		6,488	
8.4	TL04	Kênh, mương bị sạt, trôi, hư hỏng				
8.4.1	TL041	Chiều dài	m	5.680	1,988	
8.4.2	TL042	Khối lượng đất	m ³			
8.4.3	TL043	Khối lượng đá, bê tông	m ³			
8.6	TL06	Đập thủy lợi			4,500	
8.6.1	TL061	Đập bị sạt lở, hư hỏng	Cái	8	4,500	
9	GT	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG	Tr.đồng		118,327	
9.2	GT02	Đường giao thông địa phương (đường tỉnh, huyện, xã)			118,327	
9.2.1	GT021	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	1.096	8,220	
9.2.2	GT022	Chiều dài bị ngập	m	2.000	3,000	
9.2.3	GT023	Khối lượng đất	m ³	414,339	33,147	
9.2.4	GT024	KL đá, bê tông, nhựa đường	m ³	3.000	7,500	
9.2.5	GT025	Cầu bị hư hỏng	Cái	3	90	
9.2.6	GT026	Cống bị hư hỏng	Cái	38	39,900	
9.2.7	GT027	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	Điểm	90	25,200	
9.2.9	GT029	Công trình phụ trợ khác	Cái	2	1,270	
10	TS	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN	Tr.đồng	13.30	559.6	
10.1	TS01	Diện tích nuôi cá truyền thống		13.3		
10.1.1	TS0111	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha	9.6		
10.1.1.2	TS0112	Thiệt hại rất nặng (từ 50%70%)	ha	3.7		
11	TT	CÁC THIẾT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC	Tr.đồng		1,200	
11.1	TT01	Cột ăng ten bị đổ, gãy	Cái			
11.2	TT02	Cột treo cáp bị đổ, gãy	Cái	71	350	
11.4	TT04	Tuyến cáp	Tr.đồng		450	
11.5	TT05	Các máy móc, thiết bị liên lạc khác	Tr.đồng	2	400	
12	CN	THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP	Tr.đồng		6,000	
12.1	CN01	Cột điện bị đổ, gãy	Cái	107	6,000	
12.1.1	CN011	Trung và cao thế	Cái	42	3,500	
12.1.2	CN012	Hạ thế	Cái	55	2,500	
13	XD	THIỆT HẠI VỀ XÂY DỰNG	Tr.đồng		1,300	
13.1	XD01	Các công trình đang thi công	Tr.đồng		1,300	
13.1.1	XD011	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	Tr.đồng		1,300	
14	MT	THIỆT HẠI VỀ NSVSMT	Tr.đồng		5,000	
14.4	MT04	Công trình cấp nước bị hư hỏng	CT	4		
15	CT	THIỆT HẠI VỀ CÁC CT KHÁC	Tr.đồng		7,000	
15.5	CT05	Tường rào, cống bị đổ, sập hư hỏng	Tr.đồng		2,000	
15.7	CT07	Các thiệt hại khác	Tr.đồng		5,000	
ƯỚC TÍNH TỔNG THIẾT HẠI BẢNG TIỀN			Tr.đồng		159,437	

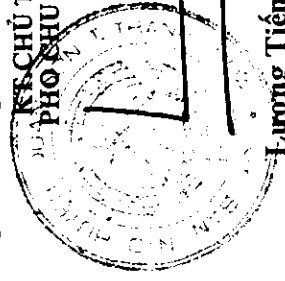
Duy

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG
(Từ ngày 09 Tháng 10 năm 2017 đến ngày 12 Tháng 10 Năm 2017)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI						KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ						
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)		DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%				DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)		NS tỉnh hỗ trợ (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	
	TỔNG SỐ	1,823.000	64.10	33.72	13.12	27.86	8.10	3.00	298.614	209.030	89.584			
1	Xã Trung Xuân	132.000	6.36	2.00	7.72				34.154	23.908	10.246			
2	Xã Trung Hà	445.000	1.90	18.93	4.20	1.10	6.10		79.240	55.468	23.772			
3	Xã Trung Tiến	55.000	3.00						6.000	4.200	1.800			
4	Xã Trung Thượng	85.000		1.85			1.50		7.800	5.460	2.340			
5	Xã Sơn Lư	116.000	7.77			1.60		0.60	17.734	12.414	5.320			
6	Xã Sơn Hà	220.000	22.72			12.05			57.489	40.242	17.247			
7	Xã Tam Lư	134.000	4.10			1.10		2.10	11.400	7.980	3.420			
8	Xã Tam Thanh	135.000	10.53			3.41			24.470	17.129	7.341			
9	Xã Sơn Điện	221.000	3.33		1.20				9.060	6.342	2.718			
10	Xã Mường Mìn	143.000	2.90			8.00			13.800	9.660	4.140			
11	Xã Sơn Thủy	52.000	1.50			0.60	0.50	0.30	4.650	3.255	1.395			
12	Xã Na Mèo	85.000		10.94					32.817	22.972	9.845			

Quan Sơn, ngày 03 tháng 11 năm 2017

KS CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Tiến Thành

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỒ TRỢ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP
ĐỀ KHỎI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI**
(Từ ngày 09 Tháng 10 năm 2017 đến ngày 12 Tháng 10 Năm 2017)

TỔNG HỢP THIẾT HẠI					KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ						
STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%		DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%		Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó			
			Diện tích cây rừng (ha)	Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)	Diện tích cây rừng (ha)	Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)		NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NS tính hỗ trợ (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	174.000	0.600	0.800	2.990	0.770	13.120	9.184	3.936		
1	Xã Trung Xuân	30.000			1.000		2.000	1.400	0.600		
2	Xã Trung Hà	35.000			1.300		2.600	1.820	0.780		
3	Thị Trấn	10.000			0.300		0.600	0.420	0.180		
4	Xã Sơn Lư	25.000	0.600	0.000	0.300		3.000	2.100	0.900		
5	Xã Tam Thanh	70.000	0.000	0.720	0.090	0.770	4.600	3.220	1.380		
6	Xã Na Mèo	4.000		0.080			0.320	0.224	0.096		

ph

Quan Sơn, ngày 03 tháng 11 năm 2017

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Tiến Thành

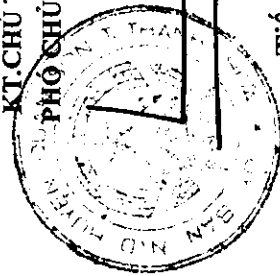
**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ NUÔI THỦY SẢN
ĐỀ KHỎI PHỤC SẴN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI**
(Từ ngày 09 Tháng 10 năm 2017 đến ngày 12 Tháng 10 Năm 2017)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI			KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Thiệt hại hơn 70%	Thiệt hại từ 30 - 70%	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NS tỉnh hỗ trợ (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền (tr.đ)
			Diện tích nuôi cá truyền thống cá bản địa (ha)	Diện tích nuôi cá truyền thống, cá bản địa (ha)					
1	2	3	5	16	27	28	29	30	
	TỔNG SỐ	813.000	10.078	3.942	106.381	74.467	31.914		
1	Xã Trung Xuân	30.000	0.150		1.290	0.903	0.387		
2	Xã Trung Hạ	65.000	1.400		12.040	8.428	3.612		
3	Xã Trung Tiến	26.000	0.070		0.602	0.421	0.181		
4	Xã Trung Thượng	15.000	0.300		2.580	1.806	0.774		
5	Xã Sơn Lư	160.000	0.627	0.070	5.742	4.020	1.723		
6	Xã Sơn Hà	55.000	1.230	0.433	12.743	8.920	3.823		
7	Xã Tam Lư	90.000	1.500		12.900	9.030	3.870		
8	Xã Tam Thanh	120.000	3.601	1.939	40.664	28.465	12.199		
9	Xã Sơn Điện	50.000	0.100		0.860	0.602	0.258		
10	Xã Mường Mìn	75.000	0.600		5.160	3.612	1.548		
11	Xã Sơn Thủy	57.000		1.200	6.000	4.200	1.800		
12	Xã Na Mèo	70.000	0.500	0.300	5.800	4.060	1.740		

Quan Sơn, ngày 03 tháng 11 năm 2017

Py

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Tiến Thành

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ CHĂN NUÔI
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI**

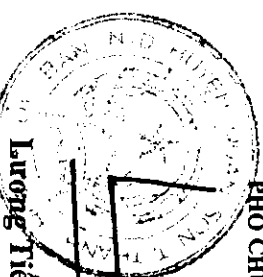
Mẫu số 4

(Từ ngày 09 Tháng 10 năm 2017 đến ngày 12 Tháng 10 Năm 2017)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Gia cầm trên 28 ngày tuổi (con)	Lợn đến 28 ngày tuổi (con)	Lợn trên 28 ngày tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi (con)	Hươu, cừu, dê (con)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NS tỉnh hỗ trợ (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền (tr.đ)	
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14	15	16	17	
	TỔNG SỐ	858.200	350	10	113	5	38	19	292.290	204.603	87.687			
1	Xã Trung Hà	63.000	50				3	5	22.700	15.890	6.810			
2	Xã Trung Tiến	3.000	20						0.560	0.392	0.168			
3	Xã Trung Thượng	196.000	100		2		6	6	39.660	27.762	11.898			
4	Xã Sơn Lư	35.000					2		8.200	5.740	2.460			
5	Xã Sơn Hà	4.200	30		8				6.680	4.676	2.004			
6	Xã Tam Thanh	267.000	150		18		23	8	126.040	88.228	37.812			
7	Xã Na Mèo	290.000		10	85	5	4		88.450	61.915	26.535			

Quản Sơn, ngày 03 tháng 11 năm 2017

K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Tiến Thành

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ
ĐỀ KHỎI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI
(ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO)**

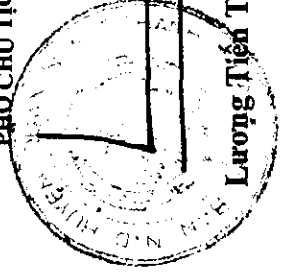
(Kèm theo báo cáo số **275** /BC-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện)

STT	Đơn vị	Tổng số tiền hỗ trợ (Tr.đồng)	Trong đó:				Đối với vật nuôi (Tr.đồng)	Ghi chú
			Đối với cây trồng nông nghiệp (Tr.đồng)	Đối với Lâm nghiệp (Tr.đồng)	Đối với thủy (Tr.đồng)	Đối với vật nuôi (Tr.đồng)		Quyết định hỗ trợ kinh phí (Số QĐ, ngày, tháng, năm)
1	2	3	4	5	6	7	9	10
	TỔNG SỐ	710.405	298.614	13.120	106.381	292.290		
1	Xã Trung Xuân	37.444	34.154	2.000	1.290			
2	Xã Trung Hạ	116.580	79.240	2.600	12.040	22.700		
3	Xã Trung Tiến	7.162	6.000		0.602	0.560		
4	Xã Trung Thượng	50.040	7.800		2.580	39.660		
5	Thị trấn	0.600		0.600				
6	Xã Sơn Lư	34.676	17.734	3.000	5.742	8.200		
7	Xã Sơn Hà	76.912	57.489		12.743	6.680		
8	Xã Tam Lư	24.300	11.400		12.900			
9	Xã Tam Thanh	195.774	24.470	4.600	40.664	126.040		
10	Xã Sơn Điện	9.920	9.060		0.860			
11	Xã Mường Mìn	18.960	13.800		5.160			
12	Xã Sơn Thủy	10.650	4.650		6.000			
13	Xã Na Mèo	127.387	32.817	0.320	5.800	88.450		

Quan Sơn, ngày 03 tháng 11 năm 2017

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Tiến Thành